

Ngày thi: 15/11/2013

TÍN CHỈ
LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
1	152212624	TRƯƠNG THANH	PHƯƠNG	K16XDD1	6		3						V	0.0	Không		
2	152212654	THÙY THANH	TUẤN	K16XDD1	6		3						V	0.0	Không		
3	152212670	NGUYỄN TRÍ	HÀ	K16XDD1	5		4						3	0.0	Không		
4	152316364	NGUYỄN VĂN	VỸ	K16XDD1	6		5						4	4.6	Bốn phần Sáu		
5	162213213	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	K16XDD1	5		4						3	0.0	Không		
6	162213216	NGUYỄN TUẤN	ĐĂNG	K16XDD1	8		7						6	6.6	Sáu phần Sáu		
7	162213218	NGUYỄN TRUNG	ĐỘ	K16XDD1	5		4						3	0.0	Không		
8	162213221	NGÔ LÊ MINH	ĐỨC	K16XDD1	8		7						6	6.6	Sáu phần Sáu		
9	162213223	ĐOÀN VĂN	DUY	K16XDD1	7		6						5	5.6	Năm phần Sáu		
10	162213227	NGUYỄN VĂN	HẢI	K16XDD1	7.5		6.5						5.5	6.1	Sáu phần Một		
11	162213228	NGUYỄN ĐÌNH	HẠNH	K16XDD1	7		6						5	5.6	Năm phần Sáu		
12	162213233	TRẦN LÊ	HIẾU	K16XDD1	6.5		5						4.5	5.0	Năm		
13	162213241	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	K16XDD1	7		6						5	5.6	Năm phần Sáu		
14	162213250	LÊ THẾ	HUY	K16XDD1	7		6						5	5.6	Năm phần Sáu		
15	162213253	ĐỖ HỮU	KHANG	K16XDD1	6.5		5.5						4.5	5.1	Năm phần Một		
16	162213255	TRẦN PHƯỚC	LỊCH	K16XDD1	7		6						5	5.6	Năm phần Sáu		
17	162213258	LÊ DUY	LỘC	K16XDD1	5		4						3	0.0	Không		
18	162213263	ĐẶNG NGỌC	LONG	K16XDD1	8.5		7.5						6.5	7.1	Bảy phần Một		
19	162213267	HỒ THẮNG	MINH	K16XDD1	5.5		4.5						3.5	0.0	Không		
20	162213270	VÕ TRUNG	NGHĨA	K16XDD1	7.5		6.5						5.5	6.1	Sáu phần Một		
21	162213273	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	K16XDD1	7.5		6.5						5.5	6.1	Sáu phần Một		
22	162213277	TRẦN LÊ	NINH	K16XDD1	9.5		8.5						7.5	8.1	Tám phần Một		
23	162213281	NGUYỄN VIỆT	PHƯƠNG	K16XDD1	5		4						3	0.0	Không		
24	162213284	LÊ THẾ	QUÂN	K16XDD1	5		4						3	0.0	Không		
25	162213287	HOÀNG THANH	QUANG	K16XDD1	5		4						3	0.0	Không		
26	162213291	NGUYỄN THANH	SAN	K16XDD1	7.5		6						5	5.7	Năm phần Bảy		
27	162213301	ĐOÀN VĂN	THANH	K16XDD1	7.5		6.5						5.5	6.1	Sáu phần Một		
28	162213304	LÊ TRUNG	THÀNH	K16XDD1	8.5		7.5						6.5	7.1	Bảy phần Một		
29	162213310	VÕ ĐĂNG	THỨ	K16XDD1	7		6						5	5.6	Năm phần Sáu		
30	162213314	HOÀNG VĂN	THƯỜNG	K16XDD1	7		6						5	5.6	Năm phần Sáu		
31	162213317	PHAN MINH	TIẾN	K16XDD1	8.5		7.5						6.5	7.1	Bảy phần Một		
32	162213328	HỒ VĂN	TRUNG	K16XDD1	8		7						6	6.6	Sáu phần Sáu		
33	162213331	HOÀNG NGỌC	TRƯỜNG	K16XDD1	9		8						7	7.6	Bảy phần Sáu		
34	162213337	DƯƠNG ANH	TUẤN	K16XDD1	6.5		5.5						4.5	5.1	Năm phần Một		
35	162213339	VĂN HỮU	TUẤN	K16XDD1	5		4						3	0.0	Không		
36	162213341	TRẦN VĂN	TUẤN	K16XDD1	7.5		6.5						5.5	6.1	Sáu phần Một		
37	162213342	NGÔ VIỆT	TUẤN	K16XDD1	9		8.5						7	7.8	Bảy phần Tám		
38	162213345	NGUYỄN TRÍ	TUẤN	K16XDD1	7		6						5	5.6	Năm phần Sáu		
39	162213350	TRƯƠNG CÔNG	VŨ	K16XDD1	8		7						6	6.6	Sáu phần Sáu		
40	162213354	NGUYỄN TUẤN	VŨ	K16XDD1	6		5						4	4.6	Bốn phần Sáu		

Ngày thi: 15/11/2013

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
41	162216501	NGÔ TRÍ	NGUYỄN	K16XDD1	3		3						V	0.0	Không		
42	162216630	TRẦN THÁI	BẢO	K16XDD1	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
43	162216705	NGUYỄN VĨNH	AN	K16XDD1	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu		
44	162216913	PHAN VĂN	PHÁT	K16XDD1	5		4						3	0.0	Không		
45	162217004	NGUYỄN LƯƠNG TUẤN	ANH	K16XDD1	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
46	162217346	BẠCH THANH	QUÍ	K16XDD1	7.5		6.5						5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
47	162524298	ĐỒNG PHƯỚC	NHÀN	K16XDD1	8.5		7.5						6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
48	142211230	VŨ NGỌC	KHUÔNG	K16XDD1	8.5		7.5						6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
49	122210235	NGUYỄN HỒNG	ANH	K16XDD2	3		3						HP	0.0	Không		
50	132315710	CHÂU QUANG	HUY	K16XDD2	3		3						HP	0.0	Không		
51	152212626	DUỖNG QUANG	MINH	K16XDD2	6		5						4	4.6	Bốn phẩy Sáu		
52	162163166	NGUYỄN MINH	HẢI	K16XDD2	7		6						7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
53	162213210	NGUYỄN THANH	BÌNH	K16XDD2	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu		
54	162213217	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	K16XDD2	6.5		5.5						4.5	5.1	Năm phẩy Một		
55	162213219	LÊ NHẬT CÔNG	ĐOAN	K16XDD2	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu		
56	162213225	TRẦN KHÁNH	DUY	K16XDD2	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
57	162213229	NGUYỄN VĂN	HẢO	K16XDD2	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu		
58	162213237	PHAN ĐÌNH	HOÀNG	K16XDD2	5.5		4.5						3.5	0.0	Không		
59	162213239	NGUYỄN NGỌC	HOÀNG	K16XDD2	6		5						4	4.6	Bốn phẩy Sáu		
60	162213252	THÁI	HUY	K16XDD2	6.5		5.5						6.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
61	162213256	TRẦN HOÀNG	LINH	K16XDD2	9.5		8.5						7.5	8.1	Tám phẩy Một		
62	162213259	ĐỖ ĐĂNG	LỢI	K16XDD2	7.5		6.5						5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
63	162213262	NGUYỄN ĐẠI	LONG	K16XDD2	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
64	162213266	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	K16XDD2	9.5		8.5						7.5	8.1	Tám phẩy Một		
65	162213269	NGUYỄN HOÀNG	NAM	K16XDD2	7.5		6.5						5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
66	162213271	HOÀNG NGUYỄN	NGỌC	K16XDD2	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu		
67	162213274	HUỖNH BÁ	NGUYỄN	K16XDD2	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
68	162213278	TRẦN THANH	PHÁP	K16XDD2	6		5						4	4.6	Bốn phẩy Sáu		
69	162213279	LƯU VŨ TẤN	PHONG	K16XDD2	6		5						4	4.6	Bốn phẩy Sáu		
70	162213283	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	K16XDD2	6.5		5.5						4.5	5.1	Năm phẩy Một		
71	162213288	NGUYỄN THƯỢNG	QUỐC	K16XDD2	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
72	162213293	NGÔ TRƯỜNG	SINH	K16XDD2	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
73	162213298	THÁI VĂN	THẠCH	K16XDD2	8		7						5.8	6.5	Sáu phẩy Năm		
74	162213300	ĐOÀN NGỌC	THẠCH	K16XDD2	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
75	162213302	LÊ VĂN	THANH	K16XDD2	6.5		5.5						4.5	5.1	Năm phẩy Một		
76	162213305	NGUYỄN TẤN	THÀNH	K16XDD2	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu		
77	162213308	NGUYỄN HỮU	THỜI	K16XDD2	5.5		4.5						3.5	0.0	Không		
78	162213313	NGUYỄN QUANG	THƯƠNG	K16XDD2	5.5		4.5						3.5	0.0	Không		
79	162213315	HÀ TRỌNG	THUY	K16XDD2	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu		
80	162213319	NGUYỄN PHÚC ANH	TOÀN	K16XDD2	7.5		6.5						5.5	6.1	Sáu phẩy Một		

Ngày thi: 15/11/2013

TÍN CHỈ
LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
81	162213327	NGÔ VĂN	TRUNG	K16XDD2	6.5		5.5						4.5	5.1	Năm phẩy Một		
82	162213330	NGUYỄN ĐỨC	TRƯỜNG	K16XDD2	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
83	162213333	PHẠM MINH	TUẤN	K16XDD2	7.5		6.5						5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
84	162213340	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	K16XDD2	3		3						V	0.0	Không		
85	162213343	LÃ ANH	TUẤN	K16XDD2	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
86	162213346	ĐOÀN VĂN	TÙNG	K16XDD2	5.5		4.5						3.5	0.0	Không		
87	162213349	VÕ ĐÌNH	VŨ	K16XDD2	6		5						4	4.6	Bốn phẩy Sáu		
88	162213352	PHAN TUẤN	VŨ	K16XDD2	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
89	162213357	TRẦN VĂN	VƯƠNG	K16XDD2	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
90	162216497	VÕ ĐỨC	ANH	K16XDD2	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
91	162216500	HOÀNG LÊ SÔNG	HIẾU	K16XDD2	10		9						8.5	8.9	Tám phẩy Chín		
92	162216831	NGUYỄN	CHIẾN	K16XDD2	9.5		8.5						7.5	8.1	Tám phẩy Một		
93	162217174	NGUYỄN ĐỨC	ANH	K16XDD2	6		5						4	4.6	Bốn phẩy Sáu		
94	162217253	HOÀNG	BI	K16XDD2	5.5		4.5						3.5	0.0	Không		
95	162223392	TRẦN TUẤN	KHANH	K16XDD2	8.5		7.5						6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
96	162314532	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	K16XDD2	9.5		8.5						7.5	8.1	Tám phẩy Một		
97	152212700	VÕ THANH	PHONG	K16XDD2	8		7.5						5.8	6.6	Sáu phẩy Sáu		
98	142211241	HỒ CHÍ	NAM	K16XDD3	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu		
99	152215527	NGUYỄN THIÊN	HƯNG	K16XDD3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
100	152215928	NGUYỄN ĐĂNG	TÂN	K16XDD3	5.5		4.5						3.5	0.0	Không		
101	162113017	THÁI ĐẠI	LỰC	K16XDD3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
102	162163164	LÊ ĐÌNH	ĐIỆP	K16XDD3	8.5		7.5						6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
103	162213207	ĐÀO NGUYỄN	BÁ	K16XDD3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
104	162213209	VÕ ĐĂNG	BẢO	K16XDD3	6.5		5.5						4.5	5.1	Năm phẩy Một		
105	162213211	NGUYỄN THANH	BÌNH	K16XDD3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
106	162213214	TRẦN THANH	CẢNH	K16XDD3	9.5		8.5						7.5	8.1	Tám phẩy Một		
107	162213215	TRẦN ĐÌNH	CHỈNH	K16XDD3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
108	162213220	NGUYỄN ĐỨC	DOANH	K16XDD3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
109	162213222	NGUYỄN HỮU THANH	DŨNG	K16XDD3	6.5		5.5						4.5	5.1	Năm phẩy Một		
110	162213226	NGUYỄN QUANG	GIỎI	K16XDD3	10		9						7.8	8.5	Tám phẩy Năm		
111	162213231	HOÀNG TRUNG	HIỀN	K16XDD3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
112	162213232	LƯU CÔNG	HIẾU	K16XDD3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
113	162213242	BẠC CẨM THÁI	HOÀNG	K16XDD3	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu		
114	162213251	TỪ SỸ	HUY	K16XDD3	8.5		7.5						6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
115	162213254	TRẦN VƯƠNG	KHIẾT	K16XDD3	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu		
116	162213257	NGUYỄN ĐÌNH	LĨNH	K16XDD3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
117	162213260	NGUYỄN THANH	LONG	K16XDD3	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu		
118	162213268	TRẦN HẢI	NAM	K16XDD3	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu		
119	162213272	NGUYỄN PHƯỚC BẢO	NGỌC	K16XDD3	3		3						V	0.0	Không		
120	162213275	LÊ BÁ	NGUYỄN	K16XDD3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		

Ngày thi: 15/11/2013

LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
121	162213280	BÙI VĂN PHÚ	K16XDD3	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu			
122	162213282	TRẦN HỮU PHƯƠNG	K16XDD3	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu			
123	162213289	NGUYỄN BÁ MINH QUỐC	K16XDD3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu			
124	162213296	ĐINH TRỌNG TÂM	K16XDD3	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu			
125	162213299	NGUYỄN VĂN THẠCH	K16XDD3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu			
126	162213309	NGUYỄN HOÀNH THÔNG	K16XDD3	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu			
127	162213316	TRẦN DIỄN THUYẾT	K16XDD3	9		8						6.8	7.5	Bảy phẩy Năm			
128	162213318	NGUYỄN DUY TOÀN	K16XDD3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu			
129	162213326	TUÔNG XUÂN TRÚC	K16XDD3	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu			
130	162213329	ĐÀO HỮU TRƯỜNG	K16XDD3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu			
131	162213335	PHẠM MAI QUANG TUẤN	K16XDD3	8.5		7.5						6.5	7.1	Bảy phẩy Một			
132	162213336	NGUYỄN ANH TUẤN	K16XDD3	8		7						6.8	7.0	Bảy			
133	162213338	TRẦN ANH TUẤN	K16XDD3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu			
134	162213344	MAI ĐỨC TUẤN	K16XDD3	8.5		7.5						6.5	7.1	Bảy phẩy Một			
135	162213351	TRẦN TUẤN VŨ	K16XDD3	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu			
136	162213353	NGUYỄN QUANG VŨ	K16XDD3	10		9						8	8.6	Tám phẩy Sáu			
137	162213355	ĐỖ MINH VƯƠNG	K16XDD3	3		3						HP	0.0	Không			
138	162216808	NGUYỄN LÂM TÙNG	K16XDD3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu			
139	162217572	NGUYỄN HOÀNG THIÊ NHÂN	K16XDD3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu			
140	162217670	NGUYỄN TUẤN TRUNG	K16XDD3	9.5		8.5						7.5	8.1	Tám phẩy Một			
141	162223374	HUỲNH NGỌC HẠNH	K16XDD3	3		3						V	0.0	Không			
142	162333778	NGUYỄN VĂN QUANG	K16XDD3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu			
1	1221	PHẠM TÂN HỮU	K14XDD	6		5						4	4.6	Bốn phẩy Sáu			
2	4556	NGUYỄN THỌ THẮNG	K14XDD	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu			
3	7068	ĐẶNG BẢO KHIẾT	K16XCD1	6		5						4	4.6	Bốn phẩy Sáu			
4	4579	NGUYỄN NGỌC THOAN	K16XCD1	6.5		5.5						4.5	5.1	Năm phẩy Một			

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	121	83%	
2	Số sinh viên nợ	25	17%	
TỔNG CỘNG :		146	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 12 năm 2013

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân